

Số: 3186 /QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 06 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng giáo viên và nhân viên
các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo
huyện Cẩm Giàng năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế về tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh Hải Dương quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc UBND tỉnh quản lý;

Thực hiện Kế hoạch số 2322/KH-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng về tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 tại báo cáo số 03/BC-HĐTD ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng năm 2023.
(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng năm 2023 có trách nhiệm thông báo đến các thí sinh trúng tuyển và thực hiện các bước quy trình tiếp theo về tuyển dụng viên chức theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng năm 2023; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban giám sát kỳ tuyển dụng;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Thành viên HĐTD;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Quyết



DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẨM GIÀNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3186 /QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện Cẩm Giàng)

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
I. KHỎI MÀM NON											
1	A001	Dương Thị Anh	27/6/1999	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Giang	Cao đẳng	80.50	0	80.50	Trúng tuyển
2	A002	Đỗ Thị Phượng Anh	25/02/2001	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lai Cách	Cao đẳng	69.50	0	69.50	Trúng tuyển
3	A003	Vũ Thị Ngọc Anh	04/01/1993	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Đoài	Đại học	82.00	0	82.00	Trúng tuyển
4	A004	Phạm Thị Hồng Anh	19/09/2002	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Cao đẳng	55.00	0	55.00	Trúng tuyển
5	A005	Nguyễn Thị Băng	18/02/1986	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Hưng	Đại học	48.00	0	48.00	Không trúng tuyển
6	A006	Đào Thị Chi	24/02/1998	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Cao đẳng	67.00	0	67.00	Trúng tuyển
7	A007	Đinh Thị Dung	14/09/1997	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Tân Trường	Cao đẳng	81.00	0	81.00	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
8	A008	Nguyễn Thị Giang	19/8/2001	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lai Cách	Cao đẳng	27.00	0	27.00	Không trúng tuyển
9	A009	Nguyễn Thị Hằng	14/02/1987	Bắc Ninh	Giáo viên Mầm non	MN Ngọc Liên	Đại học	40.00	0	40.00	Không trúng tuyển
10	A010	Vũ Thị Hậu	26/09/1998	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cao An	Cao đẳng	84.00	0	84.00	Trúng tuyển
11	A011	Đỗ Thị Hiền	19/07/1996	Bắc Ninh	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Văn	Đại học	69.50	0	69.50	Trúng tuyển
12	A012	Nguyễn Thị Hiền	15/10/1989	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Thạch Lỗi	Đại học	80.00	0	80.00	Trúng tuyển
13	A013	Nguyễn Thị Hiền	22/6/1994	Bắc Ninh	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Đại học	49.00	0	49.00	Không trúng tuyển
14	A014	Phạm Thị Hoài	31/01/2000	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Tân Trường	Đại học	74.00	0	74.00	Trúng tuyển
15	A015	Phạm Thị Huế	19/9/1991	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lai Cách	Cao đẳng	87.50	0	87.50	Trúng tuyển
16	A016	Nguyễn Thị Hương	20/11/2002	Bắc Ninh	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Cao đẳng	48.00	0	48.00	Không trúng tuyển
17	A017	Ngô Thị Hường	26/10/1992	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Giang	Cao đẳng	92.00	0	92.00	Trúng tuyển
18	A018	Nguyễn Thị Huyền	10/10/1985	Bắc Ninh	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Đại học	47.00	0	47.00	Không trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
19	A019	Vi Thị Lượng	22/11/1990	Bắc Giang	Giáo viên Mầm non	MN Ngọc Liên	Cao đẳng	11.00	5	16.00	Không trúng tuyển
20	A020	Vũ Thị Ly	10/3/2002	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Phúc	Cao đẳng	83.00	0	83.00	Trúng tuyển
21	A021	Nguyễn Thị Khánh Ly	25/12/2001	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Cao đẳng	73.00	0	73.00	Trúng tuyển
22	A022	Trần Thị Tâm	14/11/1988	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Định Sơn	Cao đẳng	92.00	5	97.00	Trúng tuyển
23	A023	Nguyễn Thị Thiệp	24/2/1991	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Lương Điền	Đại học	72.00	0	72.00	Trúng tuyển
24	A024	Mai Ngọc Thu	13/02/1996	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Tân Trường	Đại học	50.50	0	50.50	Trúng tuyển
25	A025	Phạm Thị Trang	21/06/1994	Hưng Yên	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Điền	Cao đẳng	86.50	0	86.50	Trúng tuyển
26	A026	Nguyễn Thị Trang	29/3/1988	Hải Dương	Giáo viên Mầm non	MN Cẩm Vũ	Đại học	63.50	0	63.50	Trúng tuyển
II. KHỎI TIỂU HỌC											
27	B029	Vũ Quỳnh Anh	18/3/2000	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Lai Cách	Đại học	54.50	0	54.50	Trúng tuyển
28	B030	Phạm Thị Ánh	25/5/2001	Hải Dương	Nhân viên Kế toán	TH Cẩm Vũ	Đại học	82.00	0	82.00	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
29	B031	Nguyễn Thị Bình	23/01/1994	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đông	Đại học	66.50	0	66.50	Trúng tuyển
30	B032	Đoàn Trắc Công	15/03/1984	Bắc Ninh	Giáo viên Âm nhạc	TH Cẩm phúc	Đại học	74.90	0	74.90	Trúng tuyển
31	B035	Đặng Thị Dung	23/3/1999	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Vũ	Đại học	82.30	0	82.30	Trúng tuyển
32	B036	Nguyễn Thị Hà	23/11/1986	Hải Dương	Giáo viên Tin học	TH Lương Điền	Đại học	72.00	0	72.00	Trúng tuyển
33	B040	Vi Thị Hằng	27/4/1993	Bắc Giang	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cẩm Giang	Đại học	58.00	5	63.00	Không trúng tuyển
34	B041	Phi Thị Hằng	29/11/1992	Hà Nội	Giáo viên Văn hóa	TH Tân Trường II	Đại học	59.80	0	59.80	Trúng tuyển
35	B042	Trần Thị Mỹ Hạnh	09/9/2001	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cao An	Đại học	71.30	5	76.30	Trúng tuyển
36	B046	Nguyễn Thị Huyền	01/4/1993	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Ngọc Liên	Đại học	85.30	0	85.30	Trúng tuyển
37	B047	Lê Thị Thanh Huyền	20/5/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Tin học	TH Thạch Lỗi	Đại học	56.30	0	56.30	Trúng tuyển
38	B048	Trần Thị Thanh Huyền	07/11/1998	Hà Nội	Giáo viên Văn hóa	TH Định Sơn	Đại học	68.80	0	68.80	Trúng tuyển
39	B050	Nguyễn Quang Linh	29/01/2000	Bắc Ninh	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Hưng	Đại học	65.90	0	65.90	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
40	B051	Ngô Thị Linh	23/8/1998	Hà Nội	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Hưng	Đại học	73.50	0	73.50	Trúng tuyển
41	B052	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	01/01/2000	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đông	Đại học	89.80	0	89.80	Trúng tuyển
42	B053	Nguyễn Thị Khánh Linh	01/01/2000	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đông	Đại học	87.50	0	87.50	Trúng tuyển
43	B055	Nguyễn Thị Lộc	08/10/1982	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cẩm Giang	Đại học	85.00	0	85.00	Trúng tuyển
44	B056	Viết Thị Lựu	11/9/1991	Hà Nội	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Phúc	Đại học	68.50	0	68.50	Trúng tuyển
45	B057	Phạm Thị Hương Ly	05/12/1999	Hưng Yên	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Điền	Đại học	74.00	0	74.00	Trúng tuyển
46	B060	Đặng Thị Mơ	21/01/1995	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đoài	Đại học	83.00	5	88.00	Trúng tuyển
47	B063	Trương Thị Nga	02/10/2001	Bắc Ninh	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Hưng	Đại học	83.50	0	83.50	Trúng tuyển
48	B064	Vũ Thị Ngân	18/12/2000	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Giang	Đại học	63.00	0	63.00	Trúng tuyển
49	B065	Nguyễn Quỳnh Ngân	19/6/1997	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Chính	Đại học	85.50	0	85.50	Trúng tuyển
50	B066	Ngô Thị Ngọc	10/08/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cẩm Hưng	Đại học	84.00	0	84.00	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
51	B067	Vũ Thị Nhân	10/3/2000	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	TH Đức Chính	Đại học	85.50	0	85.50	Trúng tuyển
52	B069	Lê Lan Nhi	12/04/1995	Bắc Ninh	Giáo viên Văn hóa	TH Định Sơn	Đại học	62.50	0	62.50	Trúng tuyển
53	B070	Nguyễn Gia Phú	30/8/1993	Bắc Ninh	Giáo viên Thể dục	TH Tân Trường II	Đại học	72.50	0	72.50	Trúng tuyển
54	B071	Nguyễn Minh Phương	16/12/2001	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Lương Điền	Đại học	71.00	0	71.00	Trúng tuyển
55	B072	Hoàng Thị Phương	24/7/1994	Thái Nguyên	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cẩm Văn	Đại học	91.00	0	91.00	Trúng tuyển
56	B073	Nguyễn Thị Phương	18/09/1991	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cao An	Đại học	84.00	0	84.00	Trúng tuyển
57	B074	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/8/1984	Hải Dương	Nhân viên Văn thư	TH Lai Cách	Cao đẳng	85.00	0	85.00	Trúng tuyển
58	B075	Ngô Thị Như Quỳnh	02/10/1994	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Tân Trường I	Đại học	78.80	0	78.80	Trúng tuyển
59	B076	Trần Vũ Sỹ	28/06/1989	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	TH Cẩm Đoài	Đại học	91.50	0	91.50	Trúng tuyển
60	B077	Vũ Thị Thanh Tâm	07/4/1982	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Vũ	Đại học	78.30	0	78.30	Trúng tuyển
61	B080	Nguyễn Thị Thanh	06/10/1991	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đoài	Đại học	81.40	0	81.40	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
62	B082	Hoàng Phương Thảo	10/10/1995	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Đoài	Đại học	82.50	0	82.50	Trúng tuyển
63	B085	Đào Thị Tuyết	15/10/1995	Bắc Ninh	Giáo viên Văn hóa	TH Đức Chính	Đại học	84.40	0	84.40	Trúng tuyển
64	B087	Nguyễn Hà Thu Uyên	20/09/2001	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Tân Trường I	Đại học	80.30	0	80.30	Trúng tuyển
65	B088	Lê Thị Vui	21/8/1998	Hải Dương	Giáo viên Văn hóa	TH Định Sơn	Đại học	86.50	0	86.50	Trúng tuyển
66	B089	Nguyễn Thị Hải Yến	08/7/2000	Bắc Ninh	Giáo viên Văn hóa	TH Cẩm Hưng	Đại học	89.50	0	89.50	Trúng tuyển
III. KHỎI THCS											
67	C090	Nguyễn Thị An	10/7/1999	Bắc Ninh	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lương Điền	Đại học	81.50	0	81.50	Trúng tuyển
68	C093	Bùi Thị Anh	14/9/1993	Hải Dương	Giáo viên Vật lý	THCS Lai Cách	Đại học	94.00	5	99.00	Trúng tuyển
69	C094	Đoàn Quỳnh Mai Anh	01/12/2001	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lai Cách	Đại học	91.50	0	91.50	Trúng tuyển
70	C097	Trần Thị Chi	20/4/1993	Hà Nội	Giáo viên Vật lý	THCS Cẩm Vũ	Đại học	89.00	0	89.00	Không trúng tuyển
71	C098	Nguyễn Thị Chung	13/10/2001	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lương Điền	Đại học	80.50	0	80.50	Không trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
72	C099	Lương Thị Đoan	29/11/1990	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Văn	Đại học	90.00	0	90.00	Trúng tuyển
73	C102	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/7/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Phúc	Đại học, Thạc sĩ	68.00	0	68.00	Không trúng tuyển
74	C103	Nguyễn Thị Hà	10/6/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Vũ	Đại học	79.50	0	79.50	Không trúng tuyển
75	C104	Nguyễn Thị Thu Hà	25/4/2001	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	71.50	0	71.50	Không trúng tuyển
76	C106	Trần Thị Hải	30/5/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Phúc	Đại học	89.00	0	89.00	Không trúng tuyển
77	C107	Đào Thị Hằng	17/8/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Vũ	Đại học	85.50	0	85.50	Không trúng tuyển
78	C109	Nguyễn Thị Hằng	15/01/1998	Bắc Ninh	Giáo viên Ngữ văn	THCS Cẩm Điền	Đại học	79.50	0	79.50	Không trúng tuyển
79	C111	Đỗ Thị Hạnh	01/7/1992	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thạch Lỗi	Đại học	85.00	0	85.00	Trúng tuyển
80	C113	Nguyễn Thị Hiền	27/01/2001	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	95.00	0	95.00	Trúng tuyển
81	C114	Đoàn Thị Hiền	03/3/1989	Hà Nội	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	77.50	0	77.50	Không trúng tuyển
82	C115	Đặng Thị Hiền	03/9/1991	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	78.50	0	78.50	Không trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
83	C117	Nguyễn Thị Thu Hòa	16/12/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Vật lý	THCS Cẩm Văn	Đại học	76.00	0	76.00	Trúng tuyển
84	C119	Vũ Thị Hoài	03/02/1992	Hải Dương	Giáo viên Hóa học	THCS Cẩm Hưng	Đại học	76.00	0	76.00	Trúng tuyển
85	C123	Nguyễn Nhữ Hoàng	23/01/2000	Hải Dương	Giáo viên Hóa học	THCS Cẩm Phúc	Đại học	75.00	0	75.00	Trúng tuyển
86	C124	Lê Thị Hồng	09/12/1988	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Cẩm Điền	Đại học	91.50	0	91.50	Trúng tuyển
87	C128	Lê Thị Huệ	10/7/1991	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Thạch Lỗi	Đại học	68.00	0	68.00	Không trúng tuyển
88	C131	Vũ Thị Hường	20/9/1989	Hưng Yên	Giáo viên Lịch sử	THCS Cẩm Điền	Đại học	84.00	0	84.00	Trúng tuyển
89	C134	Nguyễn Thị Hùy	01/5/1982	Hải Dương	Nhân viên Kế toán	THCS Cẩm Đoài	Đại học	78.00	5	83.00	Trúng tuyển
90	C135	Lưu Thị Thu Huyền	08/12/1998	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Vũ	Đại học	69.00	0	69.00	Không trúng tuyển
91	C136	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/02/1997	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Cẩm Văn	Đại học	74.00	0	74.00	Trúng tuyển
92	C139	Phạm Khánh Linh	12/11/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Thạch Lỗi	Thạc sĩ, Đại học	91.00	0	91.00	Trúng tuyển
93	C140	Đỗ Thị Loan	24/9/1994	Thái Bình	Giáo viên Hóa học	THCS Lai Cách	Đại học	71.00	0	71.00	Không trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
94	C143	Lê Thị Mơ	06/11/1995	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Văn	Đại học	88.00	0	88.00	Không trúng tuyển
95	C144	Nguyễn Thị Mỹ	05/9/1987	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Ngọc Liên	Đại học	84.50	0	84.50	Trúng tuyển
96	C146	Nguyễn Thị Nga	05/04/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Hóa học	THCS Cẩm Phúc	Đại học	67.00	0	67.00	Không trúng tuyển
97	C147	Nguyễn Thùy Ngân	28/6/1994	Thái Bình	Giáo viên Vật lý	THCS Lai Cách	Đại học	92.00	0	92.00	Không trúng tuyển
98	C148	Phạm Thị Ngân	19/5/1991	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	97.50	0	97.50	Trúng tuyển
99	C149	Lưu Thị Nguyệt	12/10/1991	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Phúc	Đại học	83.00	0	83.00	Không trúng tuyển
100	C152	Nguyễn Hồng Phúc	15/4/2001	Hà Nội	Giáo viên Hóa học	THCS Lương Điền	Đại học	48.00	0	48.00	Không trúng tuyển
101	C158	Nguyễn Thị Quỳnh	03/01/1991	Hải Dương	Giáo viên Vật lý	THCS Lai Cách	Đại học	47.00	5	52.00	Không trúng tuyển
102	C159	Mạc Trúc Quỳnh	27/8/1995	Hải Dương	Giáo viên Hóa học	THCS Cẩm Phúc	Đại học	62.00	0	62.00	Không trúng tuyển
103	C162	Nguyễn Minh Tân	30/8/1988	Hải Dương	Giáo viên Thể dục	THCS Cẩm Văn	Đại học	80.00	0	80.00	Trúng tuyển
104	C163	Nguyễn Thị Thao	16/11/1990	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Cẩm Vũ	Đại học	82.00	0	82.00	Trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
105	C165	Vũ Thị Thảo	03/9/1999	Bắc Ninh	Giáo viên Vật lý	THCS Cẩm Vũ	Đại học	74.00	0	74.00	Không trúng tuyển
106	C167	Nguyễn Đình Thảo	09/5/1994	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Phúc	Đại học	92.00	0	92.00	Trúng tuyển
107	C168	Nguyễn Thị Thom	12/01/1993	Bắc Ninh	Giáo viên Ngữ văn	THCS Ngọc Liên	Đại học Thạc sĩ	81.00	0	81.00	Trúng tuyển
108	C170	Lê Việt Thương	28/02/1995	Hải Dương	Giáo viên Hóa học	THCS Cẩm Phúc	Đại học	80.00	0	80.00	Trúng tuyển
109	C172	Đỗ Thị Thủy	26/12/1993	Hải Dương	Giáo viên Hóa học	THCS Lai Cách	Đại học	83.00	0	83.00	Trúng tuyển
110	C174	Trần Thị Kim Tiến	20/6/1995	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Phúc	Đại học	93.00	0	93.00	Trúng tuyển
111	C176	Đỗ Mạnh Toàn	05/5/1999	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Tân Trường	Đại học	86.00	0	86.00	Trúng tuyển
112	C177	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/9/1996	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Vũ	Đại học	88.50	0	88.50	Trúng tuyển
113	C179	Vũ Thị Huyền Trang	06/7/1992	Hải Dương	Giáo viên Toán	THCS Tân Trường	Đại học	92.00	0	92.00	Trúng tuyển
114	C181	Trần Thị Tuyền	10/03/1987	Hải Dương	Giáo viên Ngữ văn	THCS Cẩm Vũ	Đại học	74.50	0	74.50	Không trúng tuyển
115	C182	Nguyễn Xuân Tuyền	23/10/1997	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	73.00	0	73.00	Không trúng tuyển

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Vị trí đăng kí dự tuyển	Nơi đăng kí xét tuyển	Trình độ	Kết quả điểm bài thi Vòng 2	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
116	C183	Cao Thị Tuyết	30/7/1999	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Cẩm Điền	Đại học	87.00	0	87.00	Không trúng tuyển
117	C184	Nguyễn Thị Uyên	22/9/1995	Bắc Ninh	Giáo viên Toán	THCS Thạch Lỗi	Đại học	89.00	0	89.00	Không trúng tuyển
118	C185	Vũ Thị Vui	04/10/1990	Hung Yên	Giáo viên Vật lý	THCS Cẩm Vũ	Đại học	93.00	0	93.00	Trúng tuyển
119	C186	Vũ Thị Xoan	18/4/1985	Hải Dương	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Cẩm Vũ	Đại học	88.50	0	88.50	Trúng tuyển
IV. TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN											
120	D001	Đinh Thị Hạnh	23/12/1993	Hải Dương	Giáo viên Địa Lý	Trung tâm GDNN-GDTX	Đại học	59.00	5	64.00	Không trúng tuyển
121	D002	Nguyễn Ngọc Quỳnh	30/5/1991	Thái Bình	Giáo viên Toán	Trung tâm GDNN-GDTX	Đại học	48.50	0	48.50	Không trúng tuyển
122	D003	Đặng Thu Trang	28/5/2000	Bắc Giang	Giáo viên Địa Lý	Trung tâm GDNN-GDTX	Đại học	81.50	5	86.50	Trúng tuyển

Danh sách này có 122 người